

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/LĐ-ST
Ngày 01 - 12 - 2021
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 61/2020/TLST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 61/2021/TB-TA ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1975; thường trú: Ấp R, xã T, huyện M, tỉnh T. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

1/ Công ty TNHH Ph; địa chỉ: Số 53/3, đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

2/ Công ty TNHH Ph1; địa chỉ: Số 1191 T, Phường 13, quận V, Thành phố M. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm A, tỉnh D, địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố A, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T; chức vụ: Nhân viên Bảo hiểm A; là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Ông làm việc tại Công ty TNHH Ph1 (gọi tắt là Công ty Ph1) từ tháng 02/2014 với vị trí là lái xe, có ký hợp đồng lao động với mức lương cơ bản là 3.317.000 đồng/tháng và được tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Quá trình làm việc các bên có ký với nhau nhiều hợp đồng xác định thời hạn, đến 01/2016 thì ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương cơ bản là 3.785.000 đồng/tháng. Đến ngày 01/01/2017, các bên lại ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương được tăng lên 4.213.000 đồng/tháng nhưng lần này công ty giữ lại hợp đồng và không đưa cho ông giữ bản nào. Công ty Ph1 có trụ sở tại quận V, Thành phố M nhưng ông N làm việc tại chi nhánh của công ty đặt tại khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D và tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm A. Đến tháng 01/2018, Công ty TNHH Ph thành lập và hoạt động ngay tại chi nhánh Công ty. Theo đề nghị của Công ty, ông N đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Ph1 và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Ph (gọi tắt là Công ty Ph) từ ngày 01/02/2018; mức lương chính theo hợp đồng là 4.471.530 đồng. Ông N tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm A cho đến khi nghỉ việc hết tháng 11/2019. Tuy đã chấm dứt hợp đồng lao động nhưng cả Công ty Ph và Công ty Ph1 chưa đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông đầy đủ mặc dù hàng tháng các công ty đều trích từ tiền lương của ông để đóng bảo hiểm.

Ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2018 và buộc Công ty TNHH Ph chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2019.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho các bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 27/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm A là ông Dương Văn T trình bày:

Công ty Ph bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH A từ tháng 03/2011, tính đến tháng 9/2020 Công ty Ph còn nợ số tiền 4.181.479.752 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 5/2016.

Công ty Ph tham gia bảo hiểm xã hội cho ông N từ 09/2014 đến tháng 01/2018. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, đề nghị Công ty Ph có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho ông N từ tháng 06/2016 đến tháng 01/2018.

Công ty Ph bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH A từ tháng 02/2018, tính đến tháng 9/2020 Công ty Ph Bình Dương còn nợ số tiền 3.421.267.453 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018. Công ty Ph tham gia bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 02/2018 đến tháng 09/2019. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, đề nghị Công ty Ph có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho ông N từ tháng 03/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ BHXH cho ông N theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Theo hồ sơ bảo hiểm của Bảo hiểm A cung cấp thì công ty TNHH Ph1 đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 5/2016, từ 06/2016 đến tháng 01/2018 công ty TNHH Ph1 có tham gia nhưng chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông N. Công ty Ph đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018, từ tháng 03/2018 đến tháng 09/2019 có tham gia nhưng chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông N. Ông N yêu cầu công ty TNHH Ph chốt sổ bảo hiểm cho bà tới tháng 11/2019 mà không cung cấp được quyết định cho nghỉ việc vào tháng 11/2019. Như vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N đối với việc yêu cầu công ty TNHH Ph1 đóng tiền bảo hiểm xã hội từ 06/2016 đến tháng 01/2018 và Công ty Ph đóng tiền bảo hiểm từ tháng 03/2018 đến tháng 11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp lao động, cụ thể là “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”. Bị đơn Công ty TNHH Ph có trụ sở tại 53/3 Nguyễn Thị Minh K, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D; đối với bị đơn Công ty TNHH Ph1 thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án giải quyết nơi tổ chức có chi nhánh và nơi nguyên đơn làm việc tại 53/3 Nguyễn Thị Minh K, khu phố T,

phường B, thành phố A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bị đơn Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội.

Hết tháng 01/2018, ông N chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH Ph1 và đến tháng 9/2019, ông N chấm dứt hợp đồng với Công ty TNHH Ph. Việc chấm dứt hợp đồng lao động là tự nguyện, tuy nhiên, Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph không hoàn tất thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông N làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm A xác nhận Công ty Ph đã nộp tiền bảo hiểm xã hội cho đến hết tháng 5/2016; Công ty Ph tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2019 (Công ty Ph đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018), thời gian còn lại bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc các bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Công ty TNHH Ph1 đã tham gia và nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông N đến hết tháng 5/2016, từ 06/2016 đến tháng 01/2018 công ty TNHH Ph1 có tham gia nhưng chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông N. Công ty Ph đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018, từ tháng **03/2018 đến tháng 09/2019** có tham gia nhưng chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông N. Đối với yêu cầu đóng bảo hiểm tháng từ tháng 10 đến tháng 11/2019 thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã nghỉ việc vào thời

điểm tháng 11//2019 nên căn cứ vào hồ sơ bảo hiểm xác định nguyên đơn nghỉ việc vào tháng 09/2019. Như vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N đối với việc yêu cầu công ty TNHH Ph1 đóng tiền bảo hiểm xã hội từ 06/2016 đến tháng 01/2018 và Công ty Ph đóng tiền bảo hiểm từ tháng 03/2018 đến tháng 9/2019.

[3] Từ những phân tích trên có đủ sơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến đề xuất giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu. Bị đơn Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 144, 147, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; căn cứ Điều 19 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N đối với bị đơn Công ty TNHH Ph1 và bị đơn Công ty TNHH Ph về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”:

1.1 Buộc Công ty TNHH Ph1 phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Minh N từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2018.

1.2 Buộc Công ty TNHH Ph phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Minh N từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Minh N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N về việc yêu cầu Công ty TNHH Ph1 chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 01/2016 đến tháng 5/2016 và yêu cầu Công ty TNHH Ph chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 10/2019 đến tháng 11/2019.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh N không phải chịu.
- Công ty TNHH Ph1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).
- Công ty TNHH Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP Dĩ An;
- Đường sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam